

Bản án số 194/2023/HC-PT

Ngày 21/6/2023

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 69/2023/TLPT-HC ngày 08/5/2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2255/2023/QĐ-PT ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: khối E, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Ngọc H1 – Công ty L, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: E N, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ trụ sở: 22 H, thị trấn V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Đ ông Nguyễn Xuân H2 - Phó Chủ tịch UBND thị xã Điện Bàn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Phạm Thị T – Phó giám đốc trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Đ, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021 là* ông Võ Hồng Q - Phó Chủ tịch UBND phường Đ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1952, có mặt.

3.3. Anh Nguyễn Duy H4, sinh năm 1979, có mặt.

3.4. Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1983, có mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1978, có mặt.

3.6. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992, có mặt.

Bà H3, anh H4, anh Q1, chị N, chị M cùng trú tại khối E, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 (theo dấu bưu điện) và trong quá trình tố tụng, phía người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn H có 06 thành viên, gồm: ông Nguyễn Văn H, vợ ông H là bà Nguyễn Thị H3 và 04 con là Nguyễn Duy H4, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Minh N. Gia đình ông H sử dụng ổn định các thửa đất nông nghiệp số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01, tại khối E phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam với tổng diện tích 6.507,2 m² từ năm 1975 đến nay, không có tranh chấp nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 16/10/2019 ông H gửi đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với các thửa đất nêu trên. Ngày 14/01/2020, Ủy ban nhân dân phường Đ ban hành Công văn số 03/UBND trả lời ông H cho biết những thửa đất ông H đề nghị cấp giấy chứng nhận đã bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư thu nhập thấp Khu C) tại Đô thị mới Đ - Đ, phường Đ, thị xã Đ theo Quyết định thu hồi đất số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thị xã Đ nên không cấp Giấy chứng nhận theo đơn đề nghị của ông H. Kèm Công văn số 03/UBND thì của UBND phường Đ gửi cho ông H bản photocopy Quyết định thu hồi đất số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thị xã Đ nên lúc này ông H mới biết các thửa đất gia đình ông H đang canh tác đã bị thu hồi nên ngày 21/02/2020 ông H nộp đơn thông qua bưu điện khiếu nại Quyết định số 2543/QĐ-UBND nhưng không được giải quyết. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND và buộc UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249 cho hộ ông Nguyễn Văn H theo đúng quy định của pháp luật vì thủ tục thu hồi, phương án bồi thường các thửa đất này không thông báo cho gia đình ông H và từ năm 2017 dự án Khu dân cư thu nhập thấp Khu C) tại Đô thị mới Đ - Đ, phường Đ đã không còn bất kỳ hoạt động nào.

- Phía người bị kiện là UBND thị xã Đ trình bày:

Dự án Khu dân cư thu nhập thấp tại Đô thị mới Đ - Đ, phường Đ, thị xã Đ được Hội đồng nhân dân tỉnh Q thông qua tại Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016 và được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 và Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng (1/500).

Ngày 24/5/2016 UBND thị xã Đ ban hành Thông báo số 187/TB- UBND thu hồi khoảng 67.687m² đất để thực hiện Dự án. Ngày 20/01/2017 UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND thu hồi các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.507,2m², địa chỉ khối E, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam do UBND phường quản lý, hộ ông H đang canh tác. Cùng ngày, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, theo đó, hộ ông H được bồi thường hỗ trợ tổng số tiền 700.106.912 đồng (gồm: Bồi thường về đất 589.205.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc 7.178.112 đồng, bồi thường cây cối, hoa màu

là 87.441.300 đồng và hỗ trợ là 16.282.500 đồng). Việc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết số 2543/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông H để triển khai thực hiện dự án khu dân cư là đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND. Do đất ông H xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi nên thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngoài ra, ông H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông H cho rằng ông H không biết, không ký và không nhận được bất kỳ văn bản có liên quan nào đến quá trình thu hồi đất là không đúng vì UBND phường đã thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai tất cả các văn bản như *Mảnh trích đồ địa chính, Kết quả kiểm kê, đo đạc, Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường* và ảnh hưởng bởi Dự án Khu dân cư thu nhập thấp có 61 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, nhưng chỉ mình hộ ông H cho rằng không biết; hơn nữa, ông H đã ký xác nhận hiện trạng sử dụng của 03 thửa đất 37, 43, 45 và đã ký xác nhận trong Biên bản kiểm kê, bồi thường số 40/BB-KK ngày 17/8/2016.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; các khoản 1, 2 Điều 17, khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.507,2 m²; địa chỉ: K, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Văn H.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 16/02/2023, ông Nguyễn Văn H kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã Đ đề nghị bác kháng cáo của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 16/10/2019, ông H nộp đơn đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 07 thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.507,2m², địa chỉ: K, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Ngày 14/01/2020, UBND phường Đ có Công văn số 03/UBND trả lời ông H rằng các thửa đất ông H đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị UBND thị xã Đ thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư thu nhập thấp Khu C) tại Đô thị mới Đ – Điện Ngọc tại Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 nên không cấp giấy chứng nhận theo đơn đề nghị của ông H. Theo ông H UBND phường Đ khi gửi Công văn số 03/UBND cho ông H có gửi kèm bản photocopy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND thị xã Đ nên lúc này ông H mới biết các thửa đất ông H xin cấp Giấy chứng nhận đã bị thu hồi nên ngày 21/02/2020 ông H nộp đơn thông qua đường bưu điện khiếu nại Quyết định số 2543/QĐ-UBND nhưng không được giải quyết. Xét, UBND thị xã Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm giao Quyết định 2543/QĐ-UBND cho ông H; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H nhận được Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 nên ngày 14/12/2020 ông H có đơn khởi kiện (*Theo dấu bưu điện*) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND là còn thời hiệu khởi kiện 01 năm theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính nên thụ lý, giải quyết vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng thẩm quyền, xác định đúng đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Dự án Khu dân cư thu nhập thấp Khu C) tại Đô thị mới Đ - Đ, phường Đ, thị xã Đ được Hội đồng nhân dân tỉnh Q chấp thuận thông qua tại Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2016; được UBND tỉnh Q phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 tại Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 và Quyết định điều chỉnh phê duyệt quy hoạch số 2822/QĐ-UBND ngày 08/8/2016. Theo *Mảnh trích đồ địa chính số 1-2016* và *Sơ đồ quy hoạch chi tiết 1/500* Dự án Khu dân cư thu nhập thấp Khu C) tại Đô thị mới Đ - Đ, phường Đ, đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thể hiện các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01 đều thuộc phạm vi Dự án Khu dân cư thu nhập thấp. Vì vậy, Quyết định số 2543/QĐ-UBND của UBND thị xã Đ thu hồi các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249 do hộ ông H quản lý, sử dụng để thực hiện Dự án Khu dân cư thu nhập thấp là đúng thẩm quyền, đúng mục đích thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Triển khai thực hiện Dự án, ngày 24/5/2016 UBND thị xã Đ ban hành Thông báo số 187/TB-UBND, thông báo thu hồi đất đối với diện tích đất 67.687 m² và tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê tài sản, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 20/01/2017 UBND thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 2543/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng số 2328/QĐ-UBND. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình tổ chức

thực hiện kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, UBND thị xã Đ đã thực hiện đo đạc hiện trạng sử dụng đất của 07 thửa đất do hộ ông H sử dụng, trong đó ông H đã ký vào các *Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất* ngày 02/8/2016 các thửa số 37, 43, 45 (bút lục 53, 54, 56) còn lại các thửa số 44, 249, 285, 286 ông H không ký xác nhận. Bên cạnh đó Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã giao cho Trung tâm G thuộc Ban Q2 thực hiện việc kiểm kê bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu dân cư thu nhập thấp đối với 07 thửa đất 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249 do hộ ông H sử dụng, đã được ông H đã ký xác nhận *Biên bản kiểm kê, bồi thường số 40/BB-KK* ngày 17/8/2016 (bl 60,61); Thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai Mảnh trích đo địa chính, Thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Ủy ban nhân dân thị xã Đ cũng đã nhiều lần tổ chức họp dân để vận động, thuyết phục các hộ gia đình chưa nhận tiền đền bù, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án, trong đó có hộ gia đình ông H, nhưng ông H không đồng ý nhận tiền bồi thường. Do đó, việc ông H cho rằng hộ gia đình ông H từ trước đến nay chưa ký nhận cũng như chưa được biết bất cứ thông tin gì liên quan đến việc thu hồi đất là không đúng; do đó, UBND thị xã Đ ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 67, 69 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Tuy nhiên, riêng Thông báo Thu hồi đất của UBND thị xã Đ không nêu rõ tên người sử dụng đất, số thửa, diện tích đất bị thu hồi của từng cá nhân mà nêu chung tổng diện tích dự kiến thu hồi của tất cả hộ gia đình, cá nhân là chưa đúng theo quy định tại Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 (*Không đúng theo mẫu số 07 kèm theo Thông tư*), thiếu sót này của UBND thị xã Đ không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, nhưng UBND thị xã Đ cần rút kinh nghiệm. Vì vậy, Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ hợp pháp, có căn cứ, đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông H yêu cầu hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét, các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249 tờ bản đồ số 01, địa chỉ khối E, phường Đ, thị xã Đ mà gia đình ông H đang canh tác đã bị thu hồi thực hiện dự án Khu dân cư thu nhập thấp theo Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ nên UBND thị xã Đ căn cứ khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất này cho hộ ông H là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Từ các mục trên, cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng pháp luật nên bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông H là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm; vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, như sau:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 62, Điều 63, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; các khoản 1, 2 Điều 17, khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H (gồm yêu cầu hủy Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 37, 43, 44, 45, 285, 286, 249, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.507,2 m²; địa chỉ: K, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Văn H).

[2] Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H được miễn.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn H được miễn.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân